TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **60**/2023/DS-ST
Ngày: 26/4/2023

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Văn Khỏe**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Văn Lâu**
2. Bà **Âu Thị Ngọc Hoa**
- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Kim Liêu**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Ngày **26** tháng **4** năm **2023** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2023/TLST-DS ngày 10/01/2023 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-DS ngày 13/4//2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: 1/ Bà **Võ Thanh V**, sinh năm 1975.
2/ Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1965.
Cùng địa chỉ: số 280G, tổ A, khu A, TT. C, H. Cái Bè, Tiền Giang.
Đại diện ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1967.
Địa chỉ: số 634, tổ 34, khu A, thị trấn C, H. Cái Bè, Tiền Giang.
(Văn bản ủy quyền ngày 30/12/2022)
* Bị đơn: 1/ Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1960.
2/ Ông **Nguyễn Ngọc B**, sinh năm 1963.
3/ Chị **Nguyễn Thị Tuyết L**, sinh năm 1985.
Cùng địa chỉ: số 361B, tổ A, khu A, TT. C, H. Cái Bè, Tiền Giang.
Ông B, chị L cùng ủy quyền cho bà Lê Thị M.
(Văn bản ủy quyền ngày 12/4/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 30/12/2022 các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T đại diện ủy quyền nguyên đơn bà Võ Thanh V và ông Bùi Văn T trình bày:

Bà V và ông T với các bị đơn bà M, ông B và chị L ở cùng xóm, nên ngày 26/11/2017 các bị đơn có hỏi vay của bà V và ông T số tiền 340.000.000 đồng có làm biên nhận nợ, hẹn 05 ngày sẽ trả lại, nhưng sau đó các bị đơn chỉ trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 330.000.000 đồng cho đến nay không trả, dù đòi nhiều lần.

Do đó, nay bà V và ông T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc các bị đơn bà M, ông B và chị L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 330.000.000 đồng và lãi chậm trả 0,83%/tháng tính từ ngày 23/10/2021 cho đến ngày xét xử, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị M cũng là đại diện ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc B và chị Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Bà M thừa nhận vào ngày 26/11/2017 có vay của bà V và ông T số tiền 340.000.000 đồng, trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 330.000.000 đồng. Nay các bị đơn đồng ý trả cho bà V và ông T số tiền vay vốn 330.000.000.000 đồng và lãi chậm trả 0,83%/tháng tính từ ngày 23/10/2021 cho đến ngày xét xử nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, do kinh tế gia đình đang gặp khó khăn không có khả năng trả một lần theo yêu cầu của bà V và ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Nguyên đơn bà V và ông T yêu cầu bà M, ông B và chị L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 330.000.000 đồng và lãi chậm trả 0,83%/tháng, tính từ ngày 23/10/2021 cho đến ngày xét xử. Bị đơn bà M, ông B và chị L đồng ý trả số tiền 330.000.000 đồng và lãi chậm trả 0,83%/tháng, tính từ ngày 23/10/2021 cho đến ngày xét xử, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

[2] Xét, tại tòa bị đơn bà M thừa nhận việc bà M, ông B và chị L còn nợ số tiền 330.000.000 đồng của bà V và ông T, nên lời thừa nhận nợ của các bị đơn đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên bà V và ông T yêu cầu các bị đơn bà M, ông B và chị L có nghĩa vụ liên đới trả số tiền này là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Ngoài ra, bà V và ông T có yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ trả lãi chậm trả, bị đơn bà M cũng đồng ý trả lãi theo yêu cầu bà V và ông T số tiền lãi là 0,83%/tháng tính từ ngày 23/10/2021 cho đến ngày xét xử lấy tròn 18 tháng x

330.000.000 đồng x 0,83% = 49.302.000 đồng. Xét, từ khi đến hạn trả nợ đến nay do phía các bị đơn cố tình kéo dài thời gian trả nợ, nên phải có nghĩa vụ trả lãi chậm trả là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Tại phiên toà nguyên đơn, bị đơn không thỏa thuận về thời gian trả số tiền vốn và lãi. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền này do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà V và ông T, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án, nên bà M, ông B, chị L phải chịu án phí số tiền 18.965.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thanh V và ông Bùi Văn T

Buộc bà Lê Thị M, ông Nguyễn Ngọc B và chị Nguyễn Thị Tuyết L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thanh V và ông Bùi Văn T số tiền vốn 330.000.000 đồng và lãi 49.302.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 379.302.000 đồng (Ba trăm bảy mươi chín triệu ba trăm lẽ hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Lê Thị M, ông Nguyễn Ngọc B và chị Nguyễn Thị Tuyết L liên đới chịu 18.965.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Võ Thanh V số tiền 12.700.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010837 ngày 10/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thanh V, ông Bùi Văn T, bà Lê Thị M, ông Nguyễn Ngọc B và chị Nguyễn Thị Tuyết L được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS H. Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Khỏe